TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
1	Lê Thị Hồng	Ân	16112474	25/01/1998	07	WS901	7.40	x
2	Nguyễn Ngọc Thuỳ	An	16120002	20/11/1995	07	WS701	7.50	x
3	Trần Văn	An	16116018	04/10/1998	07	WS702	6.60	x
4	Lê Tấn	Anh	14115426	17/10/1994	08	WS601	6.60	x
5	Lê Tuấn	Anh	16145163	01/07/1997	07	WS501	6.60	x
6	Lê Thị Thúy	Anh	17122003	30/09/1999	07	WS902	7.10	x
7	Đặng Ngọc Hoàng	Anh	17127002	01/01/1999	08	WS801	9.80	x
8	Nguyễn Tuấn	Anh	16154007	15/03/1998	09	WS701	8.30	x
9	Tôn Thế	Anh	16118011	29/10/1998	07	WS502	5.40	x
10	Trần Duy	Anh	14132116	27/10/1996	09	WS901	5.60	x
11	TrỊnh Tuấn	Anh	17137003	04/01/1999	07	WS903	7.40	x
12	Nguyễn Tiểu	Bang	16138003	12/10/1998	08	WS1001	5.60	x
13	Lê Ngọc	Bách	15121004	29/08/1995	07	WS904	8.00	x
14	Dương Ngọc	Bảo	17116015	07/09/1999	08	WS803	5.60	x
15	Hà Thúc	Bảo	14112020	09/03/1996	08	WS602	7.50	x
16	Hồ Chí	Bảo	14118102	14/10/1996	09	WS501	8.30	x
17	Lê Chí	Bảo	17116017	10/07/1999	08	WS1002	2.90	
18	Đặng Thị Ngọc	Bích	15131007	21/06/1997	09	WS502	8.80	x
19	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	17139011	27/08/1999	09	WS503	8.00	x
20	Thái Thị	Bích	14113303	22/05/1996	08	WS804	2.30	
21	Hồ Nhựt	Bình	17125018	04/06/1999	07	WS503	9.80	x
22	Nguyễn Thái	Bình	17113009	01/12/1998	07	WS905	9.40	x
23	Nguyễn Đức	Bửu	15137005	16/02/1997	09	WS504	8.80	x
24	Võ Thị Ngọc	Cẩm	17113012	02/09/1999	07	WS906	8.00	x
25	Nguyễn Chí	Cường	17139014	12/01/1999	07	WS506	7.80	x
26	Nguyễn Minh	Cường	16138010	02/08/1998	07	WS507	6.50	x
27	Nguyễn Thị Minh	Châu	18117004		07	WS703	5.90	x
28	Phan Thụy Nguyệt	Châu	17424003	04/09/1984	09	WS702	6.10	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
29	Nguyễn Thị	Chi	17149010	29/06/1999	08	WS1003	9.00	x
30	Nguyễn Ngọc	Chi	14115008	07/03/1996	08	WS603	5.00	x
31	Võ Ngọc	Chi	17125026	06/05/1999	07	WS504	8.90	x
32	Huỳnh Thiên	Chiếu	16115015	15/07/1998	07	WS505	7.10	x
33	Võ Thanh Quí	Danh	15116017	03/02/1997	08	WS1004	3.60	
34	Bùi Thị Mỹ	Diễm	16131029	13/04/1998	09	WS506	9.30	x
35	Hà Thị Thuý	Diễm	17114008	22/08/1999	09	WS902	5.00	x
36	Huỳnh Thị	Diễm	15126013	02/02/1997	09	WS1101	5.00	x
37	Lương Thị	Diễm	16131031	09/04/1998	09	WS1102	6.10	x
38	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	17126015	20/09/1999	09	WS507	7.00	x
39	Võ Hồng	Diệp	18139025	07/03/2000	07	WS704	8.40	x
40	Phan Thị Thùy	Dương	16125146	28/10/1998	07	WS508	5.80	x
41	Trần Xuân	Dương	16116048	08/12/1998	08	WS805	6.30	x
42	Vũ Thị	Dịu	16131034	31/01/1998	09	WS1103	7.00	x
43	Phạm Khánh	Du	17117006	07/03/1999	08	WS604	9.30	x
44	Lê Thị Thùy	Dung	18424007	10/03/1996	08	WS806	5.40	x
45	Nguyễn Thị Thùy	Dung	17113019	08/12/1999	08	WS605	6.30	x
46	Phạm Thị Ngọc	Dung	16116044	09/01/1998	08	WS807	9.30	x
47	Vũ Thị Thanh	Dung	17149027	15/02/1999	08	WS808	5.00	x
48	Phạm Văn	Duy	17116041	14/08/1999	09	WS508	8.80	x
49	Trần Ngọc	Duy	16126036	26/01/1998	08	WS809	7.80	x
50	Mai Tiểu	Duyên	17113031	28/08/1999	07	WS705	8.60	x
51	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	17163019	07/02/1999	08	WS810	6.30	x
52	Phùng Thị Mỹ	Duyên	17127020	05/06/1999	08	WS811	8.40	x
53	Lê Trường	Giang	15154018	03/04/1997	09	WS509	5.50	x
54	Nguyễn Phước	Hậu	17116047	18/06/1999	08	WS1005	7.00	x
55	Lưu Thục Quỳnh	Hân	15112321	30/09/1997	09	WS510	9.30	x
56	Nguyễn Thụy Bảo	Hân	16120067	06/02/1998	07	WS706	7.50	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
57	Quách Ngọc Bảo	Hân	15125396	06/11/1997	07	WS908	7.40	x
58	Trần Hoàng	Hân	17118032	19/02/1999	08	WS812	7.30	x
59	Châu Mỹ	Hằng	17126030	06/03/1999	09	WS703	10.00	x
60	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	16117013	18/01/1998	08	WS607	7.80	x
61	Phạm Thị Thu	Hằng	16125180	10/11/1998	07	WS909	7.40	x
62	Phan Thị	Hằng	14125099	05/05/1996	08	WS608	8.80	x
63	Lương Thị Mỹ	Hạnh	17155016	12/08/1999	08	WS1006	5.30	x
64	Lê Thị Thanh	Hà	15125333	17/04/1997	09	WS904	8.80	x
65	Ngô Xuân	Hải	17124040	09/10/1996	08	WS1007	9.00	x
66	Nguyễn Nhật	Hải	16153021	20/11/1998	09	WS511	7.10	x
67	Nguyễn Thị Mỹ	Hải	16120065	21/07/1998	07	WS509	7.50	x
68	Lê Thị Thu	Hiền	17149046	19/11/1999	08	WS813	8.50	x
69	Nguyễn Thị Kim	Hiền	17113050	11/03/1999	07	WS707	7.80	x
70	Nguyễn Thị	Hiền	16132299	11/09/1997	09	WS905	8.30	x
71	Nguyễn Thị Thu	Hiền	17424009	29/12/1993	09	WS704	6.60	x
72	Phạm Thị Thu	Hiền	17113053	24/08/1999	08	WS609	7.80	x
73	Nguyễn Văn	Hiển	16111055	02/09/1998	09	WS512	9.30	x
74	Lê Hoà	Hiệp	16153025	28/06/1998	07	WS910	5.60	x
75	Ngô Đăng	Hiệp	16138033	15/01/1998	08	WS1008	5.80	x
76	Lê Dương Minh	Hiếu	17113058	09/07/1999	09	WS705	8.30	x
77	Lê Minh	Hiếu	17125089	25/12/1999	09	WS706	8.30	x
78	Nguyễn Tấn	Hiếu	16111058	14/11/1998	07	WS911	5.00	x
79	TrầnTrọng	Hiếu	17149053	30/11/1997	08	WS814	5.90	x
80	TrịnhMinh	Hiếu	17138020	21/07/1999	09	WS707	8.10	x
81	Nguyễn Văn	Hiệu	17118036	26/09/1999	07	WS708	7.50	x
82	Nay Hiếu	Hmor	16126222	23/09/1996	08	WS815	5.00	x
83	Lê Anh	Hộ	14149360	22/09/1996	08	WS816	6.00	x
84	Cao Thị	Hồng	16131076	30/12/1998	07	WS912	5.50	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
85	Phạm Thị	Hồng	16131082	10/08/1997	09	WS513	3.10	
86	Trần Thị	Hồng	17122050	22/09/1999	07	WS913	7.30	x
87	Hoàng Tăng	Hoài	15115057	21/04/1996	09	WS709	2.80	
88	Nguyễn Đình Song	Hoài	15127040	28/09/1997	07	WS510	8.30	x
89	Đặng Thị Bích	Hoàng	17113064	13/07/1999	09	WS514	8.80	x
90	Phạm Ngọc Huy	Hoàng	17113066	08/12/1999	08	WS610	6.90	x
91	Trương Văn	Hoàng	14115041	12/10/1995	08	WS611	6.60	x
92	Huỳnh Tấn	Hữu	16118061	22/05/1998	09	WS1104	9.30	x
93	Lư Thu	Hương	16155024	11/03/1998	09	WS907	8.30	x
94	Nguyễn Thị Thanh	Hương	17125107	14/08/1999	07	WS914	7.60	x
95	Lê Thị Ngọc	Huệ	17113068	10/10/1998	08	WS612	8.80	x
96	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	17149056	19/07/1999	08	WS817	7.50	x
97	Phạm Thị Lê	Huê	15116053	27/10/1997	09	WS908	10.00	x
98	Phạm Quang	Hùng	16145193	20/04/1997	09	WS909	5.50	x
99	Biện Trọng	Huy	18424011	18/08/1996	08	WS818	2.90	
100	Hà Quang	Huy	17154036	22/08/1999	09	WS710	8.30	x
101	Nông Đình	Huy	16154049	16/08/1998	09	WS711	7.30	x
102	Ngô Đức	Huy	16123093	25/06/1998	08	WS614	6.40	x
103	Nguyễn Nhật	Huy	17116060	05/07/1999	07	WS709	7.10	x
104	Nguyễn Đức	Huy	16139085	03/02/1998	08	WS819	6.80	x
105	Phạm Quốc	Huy	15111059	25/08/1997	09	WS712	8.30	x
106	Trương Quốc	Huy	17139058	09/01/1999	07	WS511	6.40	x
107	Bùi Ngọc Thanh	Huyền	16424052	02/08/1993	09	WS910	5.60	x
108	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	17117023	10/08/1999	07	WS512	8.50	x
109	Trương Thị Hồng	Huyền	16120113	07/06/1998	09	WS1105	3.60	
110	Nguyễn Thị Trúc	Huỳnh	16139089	27/09/1998	09	WS1106	7.10	x
111	Phan Thị Ngọc	Huỳnh	16125240	31/07/1998	07	WS915	8.80	x
112	Trần Đình	Huỳnh	17116061	08/03/1999	07	WS916	3.10	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
113	Trần Văn	Kiệt	14115424	08/02/1996	09	WS911	5.50	x
114	Vũ Tấn	Kiệt	15125350	29/01/1997	07	WS917	9.30	x
115	Nguyễn Trung	Kiên	17113085	10/10/1999	07	WS710	7.10	x
116	Trần Duy	Kha	16125241	12/04/1998	08	WS615	7.00	x
117	Nguyễn Châu	Khang	15124126	11/08/1997	08	WS616	2.80	
118	Lê Huỳnh Phương	Khanh	16112945	08/08/1995	08	WS1009	6.50	x
119	Bùi Quang	Khải	17138023	09/09/1999	09	WS713	6.10	x
120	Lê Hà	Khải	17117026	13/04/1999	08	WS617	6.80	x
121	Phạm Viết	Khải	14115448	24/06/1996	09	WS515	5.00	x
122	Phạm Anh	Khoa	15127051	03/11/1997	09	WS714	8.80	x
123	Nguyễn Vũ Minh	Khôi	17138028	19/05/1999	09	WS715	5.50	x
124	Nguyễn Phúc Đăng	Khôi	16111076	25/01/1998	09	WS516	7.10	x
125	Nguyễn Văn	Lâm	17139066	20/08/1999	09	WS517	7.60	x
126	Phạm Văn	Lâm	17117030	10/09/1999	07	WS513	7.50	x
127	Trần Thị	Lan	17123042	11/08/1997	07	WS514	8.30	x
128	Trần Thị Lý	Lan	17117031	29/11/1999	08	WS618	7.00	x
129	Phan Thị Bích	LiỄu	17149073	13/08/1999	08	WS820	6.30	x
130	Nguyễn Thanh	Liêm	16145205	20/08/1998	09	WS912	6.40	x
131	Hoàng Diệu	Linh	15128049	24/08/1997	09	WS913	6.10	x
132	Lưu Thị Mỹ	Linh	17124090	19/02/1998	09	WS914	8.30	x
133	Lý Thị Thùy	Linh	16131108	29/06/1998	09	WS1107	7.50	x
134	Đinh Quang	Linh	17124085	07/08/1999	09	WS1109	5.00	x
135	Đoàn Thị Diễm	Linh	17116071	08/12/1999	08	WS1010	5.00	x
136	Nguyễn Nhật	Linh	17125134	16/10/1999	09	WS1108	8.10	x
137	Trần Phan Trúc	Linh	16131111	27/01/1998	09	WS519	5.00	x
138	Võ Thị Lan	Linh	17124094	12/09/1999	08	WS619	6.30	x
139	Phạm Quang	Lộc	17116074	02/10/1999	08	WS1011	7.60	x
140	Trần Văn	Lộc	15115087	25/09/1996	09	WS716	7.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
141	Trương Đức	Lộc	17137043	11/07/1999	08	WS821	8.00	x
142	Lê Thị Thanh	Loan	16125288	13/03/1998	08	WS1012	5.00	x
143	Lê Thị Thanh	Loan	14149294	04/12/1996	09	WS1110	5.00	x
144	Nguyễn Thị Thanh	Loan	15114083	28/04/1997	09	WS520	7.50	x
145	Phan Nguyễn Hoàng	Long	17138030	09/09/1999	09	WS717	7.40	x
146	Nguyễn Thị	Lưu	17120086	26/02/1999	07	WS919	5.60	x
147	Phạm Thị Huỳnh	Lưu	17124098	20/02/1999	07	WS920	7.50	x
148	Đỗ Phương	Lợi	15131065	16/08/1997	08	WS1013	7.10	x
149	Nguyễn Văn	Lợi	17113101	27/06/1999	07	WS918	5.90	x
150	Phạm Nguyễn Hoàng	Lợi	16149071	06/10/1998	07	WS515	7.30	x
151	Lê Thị Thảo	Ly	18113086		08	WS1014	5.60	x
152	Nguyễn Thị Trúc	Ly	17113109	27/11/1998	07	WS921	7.00	x
153	Trần Lan Hương Huyền	Ly	15125123	05/10/1997	07	WS711	7.10	x
154	Nguyễn Nguyên	Lý	17126070	11/05/1999	09	WS718	8.10	x
155	Trương Minh	Mẩn	15139068	19/01/1997	08	WS620	5.90	x
156	Nguyễn Thị	Mai	15114091	08/10/1997	07	WS712	5.00	x
157	Phan Thị	Mai	16120147	02/12/1998	07	WS516	5.80	x
158	Lê Thị Thảo	Minh	15114094	19/01/1997	09	WS521	5.50	x
159	Đinh Xuân	Minh	16424022	27/08/1994	08	WS621	7.10	x
160	Nguyễn Đình Trà	My	17113119	11/11/1999	09	WS522	9.30	x
161	Nguyễn Trà	My	16126097	10/08/1998	09	WS915	6.40	x
162	Lưu Thị Hoa	Mỹ	14126132	27/12/1996	09	WS719	6.60	x
163	Lý Chiều	Đặng	15113011	18/08/1997	07	WS713	6.00	x
164	Từ Hải	Đăng	16111024	02/07/1998	08	WS1015	8.00	x
165	Trương Hải	Đăng	17123007	07/09/1999	08	WS1016	5.90	x
166	Nguyễn Văn	Đại	17116024	04/04/1999	09	WS1111	3.90	
167	Bùi Phước Quốc	Đạt	17124015	21/11/1999	09	WS1112	5.00	x
168	Trần Quang	Đạt	16154017	17/04/1998	09	WS720	7.90	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
169	Trần Thanh	Đạt	16111029	10/06/1998	09	WS916	8.80	x
170	Vi Văn	Đạt	16138017	30/06/1998	09	WS721	9.30	x
171	Võ Hoàng Xuân	Đạt	16126018	15/09/1998	09	WS722	8.30	x
172	Nguyễn Phương	Nam	15139075	05/02/1997	09	WS523	8.30	x
173	Thạch Ngọc	Nam	14116501	26/06/1996	08	WS822	7.30	x
174	Dương Ngọc	Ni	17115080	12/08/1999	09	WS1114	10.00	x
175	Nguyễn Thị	Điểm	15125330	10/12/1997	09	WS919	7.10	x
176	Hồ Ngọc	Điệp	17124017	09/02/1999	09	WS920	8.10	x
177	Cao Đức	Ninh	16124246	24/08/1997	08	WS1024	5.60	x
178	Nguyễn Văn	Đồng	16126022	05/01/1997	08	WS827	9.00	x
179	Lê Hữu	Đoàn	16426003	08/04/1992	09	WS725	8.30	x
180	Đoàn Ngọc	Đông	15118017	06/01/1997	07	WS719	9.30	x
181	Hà Công	Định	17153013	05/11/1999	07	WS523	5.00	x
182	Lê Thị Mỹ	Nương	17149116	24/04/1999	07	WS929	5.50	x
183	Đặng Hảo	Đức	15120020	09/10/1997	09	WS1116	2.30	
184	Đặng Văn	Đức	16111035	28/07/1998	09	WS1117	3.60	
185	Nguyễn Chí	Đức	16138021	10/11/1998	09	WS726	5.60	x
186	Bùi Thị Thúy	Nga	17116087	07/04/1999	08	WS1017	8.10	x
187	Lục Thị Kim	Nga	17117040	30/10/1999	08	WS622	8.00	x
188	Nguyễn Thị Thúy	Nga	16149077	11/01/1998	08	WS1018	5.00	x
189	Võ Thị Xuân	Nga	15120093	11/03/1997	09	WS723	7.50	x
190	Huỳnh Thanh	Ngân	17117041	27/08/1999	07	WS922	7.50	x
191	Lê Khánh	Ngân	17112118	14/09/1999	08	WS823	7.40	x
192	Nguyễn Thị Mộng	Ngân	17112120	02/10/1999	08	WS1019	6.90	x
193	Nguyễn Kiều Kim	Ngân	15115099	04/11/1997	08	WS1020	2.30	
194	Trần Thị Hồng	Ngân	16120166	18/11/1998	09	WS724	8.10	x
195	Nguyễn Tấn	Nghĩa	15118071	27/05/1997	08	WS1021	5.90	x
196	Trần Hữu	Nghĩa	17454003	24/04/1995	08	WS623	5.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
197	Võ Tấn	Ngoan	17137050	19/10/1999	08	WS824	6.10	x
198	Hà Mỹ	Ngọc	17149096	27/03/1999	08	WS825	9.30	x
199	Huỳnh Như	Ngọc	16131146	27/06/1998	09	WS524	9.30	x
200	Đoàn Thị Mỹ	Ngọc	16116124	10/11/1998	09	WS1113	5.00	x
201	Nguyễn Thị	Ngọc	17149098	17/12/1999	07	WS517	9.00	x
202	Vũ Đức	Ngọc	17139094	04/10/1999	08	WS624	7.50	x
203	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	16117042	10/02/1998	07	WS518	6.10	x
204	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên	16124114	07/01/1998	08	WS826	3.50	
205	Nguyễn Minh	Nhật	16139139	20/11/1998	07	WS924	8.30	x
206	Nguyễn Văn	Nhật	16145229	28/10/1998	08	WS1022	5.10	x
207	Phan Minh	Nhật	16145230	27/01/1998	09	WS525	4.00	
208	Lê Hoài	Nhân	17154063	01/11/1999	09	WS917	8.30	x
209	Lê Hoàng	Nhân	17117046	20/10/1999	07	WS923	6.50	x
210	Ngô Quang Đình	Nhân	16118108	26/05/1998	07	WS714	6.40	x
211	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	17154060	16/02/1999	08	WS625	6.00	x
212	Kiều Thị	Nhàng	16117093	01/03/1997	07	WS519	5.00	x
213	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	17155038	10/10/1999	08	WS1023	4.40	
214	Nguyễn Ngọc	Nhi	17117047	29/07/1999	07	WS520	9.00	x
215	Nguyễn Khánh	Nhi	16139141	26/04/1998	07	WS925	8.30	x
216	Nguyễn Thị Ý	Nhi	16116133	07/02/1998	08	WS626	7.30	x
217	Phan Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	17124118	26/03/1999	07	WS715	5.60	x
218	Vũ Thị Ngọc	Nhi	16125374	20/11/1998	07	WS521	9.30	x
219	Lê Nguyễn Dư	Như	17122108	06/09/1999	07	WS926	6.90	x
220	Lê Thị Quỳnh	Như	17124121	20/03/1999	07	WS716	8.80	x
221	Lý Huỳnh	Như	16131165	19/03/1998	07	WS927	6.60	x
222	Nguyễn Thị Ngọc	Như	17120117	14/05/1999	09	WS526	7.50	x
223	Trần Thị Quỳnh	Như	17126107	09/06/1999	07	WS717	9.40	x
224	Nguyễn Thảo	Nhu	16149092	09/09/1998	07	WS522	7.80	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
225	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15126105	04/07/1997	07	WS718	5.50	x
226	Trần Thị Hồng	Nhung	17124124	06/04/1999	07	WS928	7.10	x
227	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	17124127	12/05/1999	08	WS627	8.10	x
228	Hứa Thị	Phấn	15111106	12/10/1996	09	WS727	5.00	x
229	Nguyễn Thanh	Pháp	16125397	11/11/1998	08	WS828	5.50	x
230	Nguyễn Hoài	Phong	15111108	03/03/1997	09	WS728	8.30	x
231	Nguyễn Thanh	Phong	16118116	12/03/1998	07	WS720	6.00	x
232	Nguyễn Thanh	Phong	16116147	13/01/1998	08	WS829	6.30	x
233	Nguyễn Văn	Phong	15115121	01/06/1997	09	WS729	2.30	
234	Lăng Thị	Phượng	16125407	21/08/1998	07	WS721	6.30	x
235	Trần Phi	Phượng	16127094	18/03/1998	08	WS830	5.00	x
236	Lê	Phương	16112946	15/04/1994	08	WS1025	6.60	x
237	Trần Duy	Phương	17138041	04/08/1999	09	WS730	6.10	x
238	Trương Thị Hồng	Phương	16111156	12/04/1998	08	WS1026	7.60	x
239	Vũ Phạm Thanh	Phú	17126110	12/10/1999	09	WS731	9.30	x
240	Huỳnh Văn Hoàng	Phúc	17113148	13/09/1999	08	WS629	5.00	x
241	Nông Quang	Phúc	15163052	12/09/1997	08	WS1027	9.30	x
242	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	17122121	21/10/1999	08	WS831	6.40	x
243	Trần Văn	Quang	17137057	05/01/1999	08	WS832	6.40	x
244	Mai Hửu	Quí	16139161	11/06/1998	09	WS1118	5.00	x
245	Hồ Thị Kim	Quyên	16117057	08/04/1998	08	WS1028	5.00	x
246	Trần Phương	Quỳnh	17112173	08/05/1999	07	WS524	7.80	x
247	TrỊnh Thị Liễu	Quỳnh	17126120	10/07/1999	09	WS527	9.30	x
248	Phan Thị Thu	Sang	17120145	20/08/1999	09	WS529	7.00	x
249	Nguyễn Cao	Sản	16116170	02/12/1998	08	WS1029	6.10	x
250	Nguyễn Thị Thu	Sen	15114134	09/10/1997	08	WS1030	6.60	x
251	Trần Khắc	Sinh	16154084	14/07/1998	09	WS530	7.60	x
252	Trần Tiến	Sĩ	17116131	10/06/1998	09	WS1119	4.10	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
253	Lê Đức	Sơn	17116132	25/05/1999	07	WS525	7.30	x
254	Nguyễn Văn	Sơn	16118135	30/05/1998	09	WS1120	8.00	x
255	Võ Hoàng	Sơn	17154082	01/02/1999	07	WS930	6.30	x
256	Đặng Hoàng	Tấn	17115093	19/06/1999	09	WS921	6.50	x
257	Nguyễn Thị	Tâm	15131118	08/11/1997	09	WS732	8.00	x
258	Nguyễn Ngọc	Tân	17124150	18/10/1999	07	WS725	3.00	
259	Mai Trí	Tài	17137061	09/06/1999	09	WS531	6.60	x
260	Đỗ Xuân	Tài	15114139	18/04/1997	09	WS922	8.80	x
261	Phạm Tấn	Tài	16145250	30/08/1997	07	WS526	5.00	x
262	Trần Quốc	Tài	15125197	08/04/1997	07	WS726	8.10	x
263	Trần Tấn	Tài	17127059	19/09/1999	07	WS727	5.30	x
264	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	17126149	19/10/1999	09	WS924	7.10	x
265	Trần Thanh	Tín	16122327	10/05/1998	09	WS535	7.60	x
266	Trần Trung	Tín	17117075	12/03/1999	08	WS636	6.40	x
267	Nguyễn Văn	Tình	14124355	20/02/1996	09	WS737	2.80	
268	Lê Bá	Toàn	16118160	10/12/1998	09	WS738	8.30	x
269	Bùi Minh	Tuấn	16113158	01/09/1998	09	WS739	9.30	x
270	Đinh Duy	Tuấn	14114283	08/06/1996	09	WS1133	7.50	x
271	Ngô Thanh	Tuấn	14116303	20/10/1996	07	WS537	8.10	x
272	Nguyễn Văn	Tuấn	17113244	13/02/1999	07	WS735	5.90	x
273	Lương Minh	Tùng	17124204	19/11/1999	09	WS931	3.40	
274	Nguyễn Đình	Tùng	15138071	01/01/1996	09	WS540	7.00	x
275	Đào Thanh	Tú	16118164	13/12/1998	07	WS938	3.80	
276	Võ Thị Hồng	Tú	15132122	21/07/1997	09	WS740	8.30	x
277	Nguyễn Ngọc	Tuyền	16125548	26/01/1998	07	WS736	6.90	x
278	Ngô Nguyễn Xuân	Tuyết	17127093	09/01/1999	08	WS838	5.90	x
279	Phan Thị Ánh	Tuyết	17128165	01/03/1999	08	WS1038	5.00	x
280	Phan Minh	Thẩm	15137050	20/06/1997	08	WS1031	4.00	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
281	Nguyễn Thị	Thắm	16424037	13/08/1994	09	WS733	7.90	x
282	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	16124142	28/08/1998	09	WS1121	5.50	x
283	Phan Thị Thu	Thắm	17112189	20/04/1999	07	WS527	9.40	x
284	Hà Văn	Thắng	16118143	16/08/1998	07	WS528	8.90	x
285	Hoàng Đ Th	Thắng	16113123	26/03/1997	07	WS529	7.80	x
286	Nguyễn Đình	Thắng	17154090	02/10/1999	07	WS931	5.50	x
287	Phan Đình	Thắng	17124154	05/07/1998	07	WS728	7.40	x
288	Đặng Hoàng	Thạch	16116182	01/09/1998	07	WS932	8.00	x
289	Nguyễn Văn	Thanh	17127064	20/04/1998	09	WS1122	3.40	
290	Nguyễn Thị	Thanh	16123184	12/05/1998	08	WS630	5.90	x
291	Huỳnh Minh	Thành	16125445	27/05/1998	07	WS933	8.30	x
292	Nguyễn Hữu	Thành	16131210	02/06/1998	07	WS934	7.00	x
293	Phan Tấn	Thành	17113191	19/12/1999	07	WS935	5.90	x
294	Trần Vĩnh	Thành	16130580	04/09/1998	07	WS729	6.90	x
295	Võ Văn	Thành	17138049	25/10/1999	08	WS834	6.10	x
296	Võ Phước	Thành	17116142	24/09/1999	07	WS530	8.30	x
297	Đinh Văn	Thái	17115094	26/11/1999	09	WS1124	6.60	x
298	Nguyễn Đức	Thái	14122383	07/12/1996	09	WS1123	2.30	
299	Phạm Hồng	Thái	15138059	08/10/1997	09	WS532	9.30	x
300	Lê Thị Thanh	Thảo	16131214	10/11/1998	09	WS533	8.80	x
301	Phùng Thị Phương	Thảo	15139113	31/08/1997	09	WS735	7.10	x
302	Trần Như	Thảo	17124160	02/06/1999	08	WS631	8.10	x
303	Võ Thị Thu	Thảo	17124162	24/08/1999	08	WS632	5.40	x
304	Nguyễn Hữu	Thiện	14125385	09/09/1996	07	WS532	7.80	x
305	Trần Ngọc	Thiện	15137055	26/04/1997	08	WS1032	6.60	x
306	Nguyễn Mậu	Thiết	14137074	08/05/1995	08	WS633	5.40	x
307	Diệp Vũ Anh	Thư	16128104	09/01/1998	09	WS1125	2.90	
308	Huỳnh Ngọc Thanh	Thư	16149129	28/01/1998	07	WS533	9.40	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
309	Nguyễn Minh	Thư	15131129	31/01/1997	09	WS736	8.30	x
310	Võ Ngọc	Thoại	17116148	17/02/1998	09	WS1126	6.10	x
311	Trần Quốc	Thịnh	15112157	13/12/1994	07	WS730	5.60	x
312	Huỳnh Thị Kim	Thương	16116202	26/06/1998	07	WS731	7.60	x
313	Trần Thanh	Thương	15131131	19/12/1997	08	WS1033	6.40	x
314	Bùi Thị Cẩm	Thu	17125282	22/10/1999	09	WS1127	5.50	x
315	Nay H"	Thu	15145098	12/01/1996	07	WS732	3.10	
316	Nguyễn Thị Thanh	Thu	16155071	12/10/1998	08	WS634	5.40	x
317	Phạm Thị Lệ	Thu	16120248	10/10/1997	08	WS1034	5.00	x
318	Nguyễn Lê Trình	Thuật	17139140	13/07/1997	07	WS534	8.00	x
319	Tạ Thị Như	Thùy	16120259	10/12/1997	09	WS1128	5.00	x
320	Phan Thanh	Thúy	15149222	/ /1944	08	WS635	7.80	x
321	Ngô Thị Như	Thủy	17126147	11/06/1998	09	WS534	9.30	x
322	Phan Thị Như	Thuý	17149158	08/05/1999	08	WS835	8.10	x
323	Hồ Ngọc Huỳnh	Thy	17124182	20/05/1999	09	WS923	8.30	x
324	Nguyễn Thị Anh	Thy	17155059	24/03/1999	08	WS1035	6.10	x
325	Hoàng Thị Bích	Trâm	17139150	01/05/1998	09	WS537	8.80	x
326	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	17111146	06/07/1999	07	WS936	5.00	x
327	Ức Lư Ngọc	Trâm	16114305	01/11/1997	09	WS1129	0.00	
328	Nguyễn Thị Huyền	Trân	17122176	25/02/1999	09	WS1130	8.30	x
329	Nguyễn Ngọc	Trang	17116168	01/07/1999	07	WS937	7.50	x
330	Nguyễn Thị Thu	Trang	16120287	16/11/1998	09	WS538	9.30	x
331	Võ Thị Thúy	Trang	17120194	02/09/1999	09	WS539	6.10	x
332	Nguyễn Hữu	Trán	15118112	02/01/1997	09	WS925	9.30	x
333	Hồ Thị Mỹ	Trinh	16125532	26/02/1997	09	WS926	6.60	x
334	Lê Thị Thảo	Trinh	17154110	22/01/1998	08	WS637	8.10	x
335	Nguyễn Thị Tú	Trinh	15163081	14/01/1997	07	WS535	7.80	x
336	Phan Thị Diễm	Trinh	14113234	08/09/1996	07	WS733	8.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 11 năm 2019

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
337	Trần Thị Mai	Trinh	17126164	16/05/1999	07	WS734	8.90	x
338	Trần Thị Ngọc	Trinh	16120296	20/05/1998	09	WS1131	2.30	
339	Đỗ Văn	Trình	17122187	01/09/1998	09	WS1132	8.30	x
340	Trần Nhật	Trường	17116180	18/05/1999	07	WS536	7.40	x
341	Trần Vũ	Trường	17116181	30/08/1999	09	WS927	5.00	x
342	Nguyễn Quốc	Trung	17111154	02/10/1999	08	WS1037	9.00	x
343	Huỳnh Nguyễn Thanh	Trúc	15114181	13/10/1997	09	WS928	9.30	x
344	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	16122357	12/09/1998	08	WS836	3.10	
345	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15125379	04/09/1997	09	WS929	6.60	x
346	Võ Hoàng	Trúc	16122358	16/08/1998	08	WS837	6.10	x
347	Cao Thị Thùy	Uyên	16123240	20/02/1998	08	WS839	7.30	x
348	Lê Thị Thu	Uyên	17131153	02/05/1999	07	WS538	7.40	x
349	Ngô Thị Thảo	Vân	16124196	28/08/1998	08	WS1039	5.00	x
350	Nguyễn Thị Thùy	Vân	16115204	18/10/1998	09	WS932	8.80	x
351	Nguyễn Trung	Văn	14132106	11/04/1996	07	WS737	7.80	x
352	Lê Hữu	Vàng	16145278	01/01/1998	07	WS939	6.60	x
353	Lê Thị Hồng	Vi	16125569	02/06/1998	07	WS738	9.80	x
354	Nguyễn Thành	Vinh	17154120	19/01/1999	07	WS940	8.00	x
355	Lê Văn	Vũ	16153109	25/02/1997	07	WS723	6.90	x
356	Lê Thị Yến	Vy	16132426	02/11/1998	07	WS539	7.50	x
357	Nguyễn Văn	Vỹ	15117087	21/03/1997	08	WS640	6.40	x
358	Trần Quốc	Vỷ	15154072	21/02/1997	09	WS934	6.40	x
359	Đoàn Nhật	Xinh	17114069	26/03/1999	08	WS1040	5.00	x
360	Huỳnh Thị Thu	Xoàn	16116242	08/08/1998	07	WS540	2.90	
361	Ngô Thị Hồng	Xuân	17115138	01/01/1999	08	WS840	3.00	
362	Phạm Phúc	Xuyên	15113147	11/06/1997	07	WS739	6.50	x
363	Phạm Hải	Yến	14122171	02/09/1996	07	WS740	5.60	x

TRUNG TÂM TIN HỌC